

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25-8-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Loan

Bà Lê Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đặng Văn D, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Vũ Thị Phương L, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ dân phố 8, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ghi ngày 14-4-2022, Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Đặng Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị Phương L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã , huyện K, tỉnh Hưng Yên vào ngày 17-12-2009. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại nội thành Hải Phòng, đến khi chị L có thai được 4 tháng thì vợ chồng chuyển về sống tại tổ dân phố 8, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng cùng với bố mẹ đẻ chị L. Anh chị chung sống đến khoảng vài năm trở lại đây thì thường

xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát nhau, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, mệt mỏi, không có hạnh phúc. Mặc dù anh chị đã tìm nhiều biện pháp, cố gắng khắc phục tình trạng hôn nhân nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Vì vậy, anh và chị L đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 đến nay, vợ chồng không còn qua lại, gặp gỡ, không còn liên lạc, không quan tâm gì đến nhau. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân đã lâu nên để đảm bảo quyền lợi cho anh và chị L, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung là cháu Đặng Vũ Gia H, sinh ngày 13-10-2011. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu H ở với chị L. Do nguyện vọng của cháu là mong muốn được ở với mẹ và để ổn định cuộc sống sinh hoạt, học tập của cháu nên khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cháu H cho chị L nuôi dưỡng, anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị L. Tại phiên toà, anh D tự nguyện đưa ra mức cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 19-5-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Vũ Thị Phương L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện năm 2009. Sau khi kết hôn được một thời gian, chị và anh D về sống cùng với bố mẹ đẻ chị tại tổ dân phố 8, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống, giữa chị và anh D có xảy ra việc mâu thuẫn, cãi vã nhưng đều là những mâu thuẫn nhỏ nhất, không đến mức phải ly hôn. Đến tháng 9 năm 2018, anh D tự chuyển ra ngoài ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, thỉnh thoảng anh D có đến thăm con nhưng vợ chồng không gặp mặt nhau và không còn quan tâm gì đến nhau. Do con chị còn nhỏ nên chị không muốn ly hôn vì sẽ ảnh hưởng đến con cái, hơn nữa, chị thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn. Do đó, chị không đồng ý ly hôn. Chị đề nghị để chị về trao đổi, xin ý kiến của hai bên gia đình, nếu bố mẹ hai bên đồng ý cho anh chị ly hôn thì chị sẽ đồng ý ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung như anh D trình bày. Trường hợp ly hôn, chị nhận nuôi con. Tại bản tự khai và trong quá trình hoà giải, chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên toà chị đề nghị anh D phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng cụ thể do anh D tự quyết định.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các tài liệu, chứng cứ Tòa án xác minh, thu thập thể hiện: Trong quá trình chung sống, anh D và chị L có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân

mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng mâu thuẫn về tình cảm, trong cuộc sống vợ chồng không có sự hoà hợp. Anh D và chị L đã sống ly thân 04 năm nay.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Anh D và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên vào ngày 17-12-2009 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh D và chị L có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do vợ chồng bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, anh D và chị L đã tự hoà giải, tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Anh D và chị L đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 đến nay, vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, thể hiện hôn nhân giữa anh D và chị L đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D, xử cho anh D được ly hôn với chị L; đồng thời giao con chung là cháu Đặng Vũ Gia H, sinh ngày 13-10-2011 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L là 4.000.000 đồng/ tháng, bắt đầu từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, anh D và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là chị Vũ Thị Phương L, cư trú tại tổ dân phố 8, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Văn D và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dạ

Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên vào ngày 17-12-2009 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh D và chị L phát sinh mâu thuẫn, xảy ra cãi vã, xô xát, anh D và chị L đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình; vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, chị L đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho chị và anh D tự hoà giải nhưng trong khoảng thời gian này vợ chồng cũng không gặp gỡ, không liên lạc gì với nhau, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không giải quyết được. Vì vậy, yêu cầu của anh D xin được ly hôn với chị L là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh D và chị L có 01 con chung là cháu Đặng Vũ Gia H, sinh ngày 13-10-2011. Anh D và chị L đều thống nhất khi ly hôn sẽ giao con cho chị L nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi anh D và chị L sống ly thân, cháu H ở với chị L; chị L hiện có công việc, thu nhập, chỗ ở ổn định, đảm bảo điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con. Vì vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu H, việc giao con cho chị L nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh D và chị L thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000 đồng/ tháng, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh D và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Anh D và chị L có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Văn D được ly hôn chị Vũ Thị Phương L.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Vũ Gia H, sinh ngày 13-10-2011 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 4.000.000 (*Bốn triệu*) đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung: Anh D và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh D phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002603 ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; anh D còn phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh D, chị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Duy Khoa